

| STT | LỚP   | HỌ TÊN HỌC SINH          | GT  | GHI CHÚ |
|-----|-------|--------------------------|-----|---------|
| 1   | 10A01 | Phan Anh Minh            | Nam |         |
| 2   | 10A01 | Nguyễn Lê Thiên Phú      | Nam |         |
| 3   | 10A01 | Trần Hưng Phú            | Nam |         |
| 4   | 10A01 | Nguyễn Minh Tiến         | Nam |         |
| 5   | 10A01 | Nguyễn Huỳnh Phương Nghi | Nữ  |         |
| 6   | 10A01 | Nguyễn Yến Nhi           | Nữ  |         |
| 7   | 10A01 | Nguyễn Thị Thanh Tâm     | Nữ  |         |
| 8   | 10A01 | Đỗ Đan Uyên              | Nữ  |         |
| 9   | 10A02 | Hà Gia Huy               | Nam |         |
| 10  | 10A02 | Phạm Quang Huy           | Nam |         |
| 11  | 10A02 | Võ Phúc Gia Huy          | Nam |         |
| 12  | 10A02 | Nguyễn Đắc Việt Khang    | Nam |         |
| 13  | 10A02 | Phạm Xuân Khoa           | Nam |         |
| 14  | 10A02 | Phạm Trần Tuấn Kiệt      | Nam |         |
| 15  | 10A02 | Nguyễn Minh Nhật         | Nam |         |
| 16  | 10A02 | Nguyễn Đức Hoàng Phi     | Nam |         |
| 17  | 10A02 | Nguyễn Trường Phú        | Nam |         |
| 18  | 10A02 | Nguyễn Gia Phúc          | Nam |         |
| 19  | 10A02 | Nguyễn Khánh Toàn        | Nam |         |
| 20  | 10A02 | Phạm Đức Tuấn            | Nam |         |
| 21  | 10A02 | Lê Hoài An               | Nữ  |         |
| 22  | 10A02 | Trần Đình Vân An         | Nữ  |         |
| 23  | 10A02 | Phạm Hồng Trâm Anh       | Nữ  |         |
| 24  | 10A02 | Vũ Linh Đăng             | Nữ  |         |
| 25  | 10A02 | Trần Nguyễn Mai Khanh    | Nữ  |         |
| 26  | 10A02 | Huỳnh Nguyễn Khánh Linh  | Nữ  |         |
| 27  | 10A02 | Trần Lê Khánh Linh       | Nữ  |         |
| 28  | 10A02 | Võ Phạm Khánh Minh       | Nữ  |         |
| 29  | 10A02 | Võ Lê Uyên Nghi          | Nữ  |         |
| 30  | 10A02 | Lâm Hà Khánh Ngọc        | Nữ  |         |
| 31  | 10A02 | Nguyễn Đỗ Phương Nhi     | Nữ  |         |
| 32  | 10A02 | Lê Võ Quỳnh Như          | Nữ  |         |
| 33  | 10A02 | Võ Nguyên Phúc           | Nữ  |         |
| 34  | 10A02 | Tô Kim Thanh             | Nữ  |         |
| 35  | 10A02 | Huỳnh Minh Thư           | Nữ  |         |
| 36  | 10A02 | Nguyễn Hồ Đoan Trang     | Nữ  |         |
| 37  | 10A02 | Nguyễn Thị Mỹ Uyên       | Nữ  |         |
| 38  | 10A02 | Nguyễn Thị Thảo Vân      | Nữ  |         |
| 39  | 10A02 | Xà Diệp Anh Vũ           | Nữ  |         |
| 40  | 10A02 | Lại Đỗ Tường Vy          | Nữ  |         |
| 41  | 10A03 | Trương Việt Anh          | Nam |         |
| 42  | 10A03 | Lê Hải Bằng              | Nam |         |
| 43  | 10A03 | Đỗ Nguyên Bình           | Nam |         |
| 44  | 10A03 | Nguyễn Tiến Hùng         | Nam |         |
| 45  | 10A03 | Lê Minh Khôi             | Nam |         |
| 46  | 10A03 | Phan Thanh Khôi          | Nam |         |
| 47  | 10A03 | Nguyễn Vĩnh Phúc         | Nam |         |
| 48  | 10A03 | Trần Nguyên Phúc         | Nam |         |
| 49  | 10A03 | Trần Quang Phúc          | Nam |         |
| 50  | 10A03 | Đỗ Quang Trường Thịnh    | Nam |         |
| 51  | 10A03 | Nguyễn Minh Trung        | Nam |         |

| STT | LỚP   | HỌ TÊN HỌC SINH        | GT  | GHI CHÚ |
|-----|-------|------------------------|-----|---------|
| 52  | 10A03 | Nguyễn Thị Diễm An     | Nữ  |         |
| 53  | 10A03 | Hoàng Trần Kim Anh     | Nữ  |         |
| 54  | 10A03 | Nguyễn Thanh Quỳnh Anh | Nữ  |         |
| 55  | 10A03 | Hoàng Hải Âu           | Nữ  |         |
| 56  | 10A03 | Lưu Hồng Linh Đan      | Nữ  |         |
| 57  | 10A03 | Nguyễn Thanh Hằng      | Nữ  |         |
| 58  | 10A03 | Trần Diệu Hiền         | Nữ  |         |
| 59  | 10A03 | Nguyễn Hoàng Lan Khánh | Nữ  |         |
| 60  | 10A03 | Lê Mỹ Kỳ               | Nữ  |         |
| 61  | 10A03 | Trương Nhật Linh       | Nữ  |         |
| 62  | 10A03 | Đỗ Phúc Minh           | Nữ  |         |
| 63  | 10A03 | Võ Trần Uyên My        | Nữ  |         |
| 64  | 10A03 | Trịnh Nguyễn Minh Ngọc | Nữ  |         |
| 65  | 10A03 | Hồ Hoàng Anh Thơ       | Nữ  |         |
| 66  | 10A03 | Trần Bảo Anh Thư       | Nữ  |         |
| 67  | 10A03 | Trần Thị Anh Thy       | Nữ  |         |
| 68  | 10A03 | Văn Ngọc Trân          | Nữ  |         |
| 69  | 10A03 | Lê Lý Phương Uyên      | Nữ  |         |
| 70  | 10A03 | Phan Hồ Phương Uyên    | Nữ  |         |
| 71  | 10A03 | Nguyễn Ngọc Anh Vy     | Nữ  |         |
| 72  | 10A04 | Hà Lê Đức Duy          | Nam |         |
| 73  | 10A04 | Trần Hoàng Hải Đăng    | Nam |         |
| 74  | 10A04 | Đoàn Võ Đăng Khoa      | Nam |         |
| 75  | 10A04 | Phan Huy Khoa          | Nam |         |
| 76  | 10A04 | Võ Anh Kiệt            | Nam |         |
| 77  | 10A04 | Nguyễn Ngọc Long       | Nam |         |
| 78  | 10A04 | Lê Hoàng Minh          | Nam |         |
| 79  | 10A04 | Lê Thanh Quang         | Nam |         |
| 80  | 10A04 | Văn Diệp Nam Quân      | Nam |         |
| 81  | 10A04 | Trần Tấn Sang          | Nam |         |
| 82  | 10A04 | Lê Trung Tuấn          | Nam |         |
| 83  | 10A04 | Trần Quỳnh Anh         | Nữ  |         |
| 84  | 10A04 | Huỳnh Thị Ngọc Diệp    | Nữ  |         |
| 85  | 10A04 | Hứa Thùy Dương         | Nữ  |         |
| 86  | 10A04 | Võ Ngọc Khuê           | Nữ  |         |
| 87  | 10A04 | Khổng Hoàng Gia Linh   | Nữ  |         |
| 88  | 10A04 | Ngô Hà Kiều Ngân       | Nữ  |         |
| 89  | 10A04 | Nguyễn Ngọc Hoàng Ngân | Nữ  |         |
| 90  | 10A04 | Nguyễn Trần Bảo Ngọc   | Nữ  |         |
| 91  | 10A04 | Vũ Quỳnh Như           | Nữ  |         |
| 92  | 10A04 | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh  | Nữ  |         |
| 93  | 10A04 | Trần Ngọc Phương Thảo  | Nữ  |         |
| 94  | 10A04 | Trần Minh Trang        | Nữ  |         |
| 95  | 10A04 | Nguyễn Đình Bảo Trâm   | Nữ  |         |
| 96  | 10A04 | Lê Ngọc Bội Trinh      | Nữ  |         |
| 97  | 10A04 | Trần Xuân Cát Tường    | Nữ  |         |
| 98  | 10A04 | Phan Hoàng Vân         | Nữ  |         |
| 99  | 10A04 | Hồ Nguyễn Như Ý        | Nữ  |         |
| 100 | 10A05 | Nguyễn Phúc Điền       | Nam |         |
| 101 | 10A05 | Trần Bảo Long          | Nam |         |
| 102 | 10A05 | Nguyễn Lê Minh Nhật    | Nam |         |

| STT | LỚP   | HỌ TÊN HỌC SINH         | GT  | GHI CHÚ |
|-----|-------|-------------------------|-----|---------|
| 103 | 10A05 | Trần Công Phúc          | Nam |         |
| 104 | 10A05 | Chu Văn Quốc            | Nam |         |
| 105 | 10A05 | Hoàng Hải Việt          | Nam |         |
| 106 | 10A05 | Lộc Mỹ Duyên            | Nữ  |         |
| 107 | 10A05 | Võ Trần Phúc Huyền      | Nữ  |         |
| 108 | 10A05 | Nguyễn Bảo Lâm          | Nữ  |         |
| 109 | 10A05 | Huỳnh Ngọc Anh My       | Nữ  |         |
| 110 | 10A05 | Nguyễn Ngọc My Na       | Nữ  |         |
| 111 | 10A05 | Nguyễn Đỗ Thúy Ngân     | Nữ  |         |
| 112 | 10A05 | Đỗ Khánh Ngọc           | Nữ  |         |
| 113 | 10A05 | Phạm Bảo Ngọc           | Nữ  |         |
| 114 | 10A05 | Nguyễn Minh Thảo Nguyên | Nữ  |         |
| 115 | 10A05 | Vũ Ngọc Trúc Quỳnh      | Nữ  |         |
| 116 | 10A05 | Trần Thị Minh Tâm       | Nữ  |         |
| 117 | 10A05 | Trần Lê Anh Thảo        | Nữ  |         |
| 118 | 10A05 | Trịnh Thị Ngân Thương   | Nữ  |         |
| 119 | 10A05 | Hà Huyền Trâm           | Nữ  |         |
| 120 | 10A05 | Lê Khả Tú               | Nữ  |         |
| 121 | 10A06 | Nguyễn Trần Gia Bảo     | Nam |         |
| 122 | 10A06 | Lâm Dũng Chí            | Nam |         |
| 123 | 10A06 | Nguyễn Minh Vĩnh Khoa   | Nam |         |
| 124 | 10A06 | Nguyễn Lộc Gia Minh     | Nam |         |
| 125 | 10A06 | Hồ Lê Bá Phúc           | Nam |         |
| 126 | 10A06 | Tổng Trần Nguyên Phúc   | Nam |         |
| 127 | 10A06 | Lê Hoàng Quân           | Nam |         |
| 128 | 10A06 | Phan Hoàng Quân         | Nam |         |
| 129 | 10A06 | Nguyễn Minh Thiện       | Nam |         |
| 130 | 10A06 | Lý Anh Tiến             | Nam |         |
| 131 | 10A06 | Trần Tuấn Việt          | Nam |         |
| 132 | 10A06 | Bùi Trần Quỳnh Anh      | Nữ  |         |
| 133 | 10A06 | Lê Quế Anh              | Nữ  |         |
| 134 | 10A06 | Mai Thị Lan Anh         | Nữ  |         |
| 135 | 10A06 | Nguyễn Xuân Anh         | Nữ  |         |
| 136 | 10A06 | Huỳnh Ngọc Khánh Hà     | Nữ  |         |
| 137 | 10A06 | Nguyễn Khánh Hà         | Nữ  |         |
| 138 | 10A06 | Tôn Nữ Minh Hà          | Nữ  |         |
| 139 | 10A06 | Ngô Ngọc Nhật Minh      | Nữ  |         |
| 140 | 10A06 | Ngô Nguyễn Minh Ngọc    | Nữ  |         |
| 141 | 10A06 | Phan Huy Minh Ngọc      | Nữ  |         |
| 142 | 10A06 | Lê Bửu Tâm Như          | Nữ  |         |
| 143 | 10A06 | Phạm Hoàng Bảo Trang    | Nữ  |         |
| 144 | 10A06 | Trần Thanh Trâm         | Nữ  |         |
| 145 | 10A06 | Nguyễn Phan Bảo Trân    | Nữ  |         |
| 146 | 10A07 | Võ Minh Trí             | Nam |         |
| 147 | 10A07 | Huỳnh Nguyễn Khánh An   | Nữ  |         |
| 148 | 10A07 | Nguyễn Trần Xuân Anh    | Nữ  |         |
| 149 | 10A07 | Ngô Gia Bửu             | Nữ  |         |
| 150 | 10A07 | Tạ Băng Doanh           | Nữ  |         |
| 151 | 10A07 | Nguyễn Võ Kỳ Duyên      | Nữ  |         |
| 152 | 10A07 | Nguyễn Dạ Minh Đan      | Nữ  |         |
| 153 | 10A07 | Nguyễn Thanh Trà Giang  | Nữ  |         |

| STT | LỚP   | HỌ TÊN HỌC SINH        | GT  | GHI CHÚ |
|-----|-------|------------------------|-----|---------|
| 154 | 10A07 | Nguyễn Ngọc Khánh Hà   | Nữ  |         |
| 155 | 10A07 | Phan Huỳnh Thanh Hà    | Nữ  |         |
| 156 | 10A07 | Nguyễn Bảo Hân         | Nữ  |         |
| 157 | 10A07 | Phạm Gia Hân           | Nữ  |         |
| 158 | 10A07 | Tạ Thị Hoa             | Nữ  |         |
| 159 | 10A07 | Đào Khánh Huyền        | Nữ  |         |
| 160 | 10A07 | Kiều Bảo Hy            | Nữ  |         |
| 161 | 10A07 | Nguyễn Trà My          | Nữ  |         |
| 162 | 10A07 | Bùi Lê Kim Ngân        | Nữ  |         |
| 163 | 10A07 | Nguyễn Thảo Ngân       | Nữ  |         |
| 164 | 10A07 | Trần Phương Nghi       | Nữ  |         |
| 165 | 10A07 | Lê Thanh Bảo Ngọc      | Nữ  |         |
| 166 | 10A07 | Nguyễn Lê Minh Ngọc    | Nữ  |         |
| 167 | 10A07 | Phạm Lê Tâm Nhi        | Nữ  |         |
| 168 | 10A07 | Trần Hà Phương         | Nữ  |         |
| 169 | 10A07 | Lê Đỗ Anh Thư          | Nữ  |         |
| 170 | 10A07 | Ngô Bảo Nam Trân       | Nữ  |         |
| 171 | 10A07 | Nguyễn Hà Ngọc Trúc    | Nữ  |         |
| 172 | 10A08 | Phạm Thiên Bảo         | Nam |         |
| 173 | 10A08 | Trần Dương Anh Hùng    | Nam |         |
| 174 | 10A08 | Quách Đăng Khôi        | Nam |         |
| 175 | 10A08 | Phan Phú Thịnh         | Nam |         |
| 176 | 10A08 | Phan Quốc Việt         | Nam |         |
| 177 | 10A08 | Nguyễn Hoàng Tú Anh    | Nữ  |         |
| 178 | 10A08 | Nguyễn Nhựt Thiên Anh  | Nữ  |         |
| 179 | 10A08 | Tạ Ngọc Minh Anh       | Nữ  |         |
| 180 | 10A08 | Huỳnh Phạm Sao Khuê    | Nữ  |         |
| 181 | 10A08 | Lê Ngọc Kim Khuê       | Nữ  |         |
| 182 | 10A08 | Phạm Hồng Phúc         | Nữ  |         |
| 183 | 10A08 | Lê Hồng Ngọc Sang      | Nữ  |         |
| 184 | 10A08 | Võ Minh Thư            | Nữ  |         |
| 185 | 10A08 | Nguyễn Thị Hương Trang | Nữ  |         |
| 186 | 10A08 | Nguyễn Thị Thùy Trâm   | Nữ  |         |
| 187 | 10A08 | Vũ Thanh Vân           | Nữ  |         |
| 188 | 10A08 | Trần Ngọc Thảo Vy      | Nữ  |         |
| 189 | 10A09 | Lê Quang Đạt           | Nam |         |
| 190 | 10A09 | Trần Anh Quân          | Nam |         |
| 191 | 10A09 | Nguyễn Đỗ Vân Anh      | Nữ  |         |
| 192 | 10A09 | Nguyễn Lê Diệu Anh     | Nữ  |         |
| 193 | 10A09 | Nguyễn Thụy Anh        | Nữ  |         |
| 194 | 10A09 | Nguyễn Tuyết Minh Châu | Nữ  |         |
| 195 | 10A09 | Đỗ Lê Ngọc Diệp        | Nữ  |         |
| 196 | 10A09 | Mai Ngân Khánh         | Nữ  |         |
| 197 | 10A09 | Mai Ngọc Khánh         | Nữ  |         |
| 198 | 10A09 | Huỳnh Hoàng Linh       | Nữ  |         |
| 199 | 10A09 | Đặng Thiên Nga         | Nữ  |         |
| 200 | 10A09 | Nguyễn Lâm Thanh Ngân  | Nữ  |         |
| 201 | 10A09 | Lương Thanh Thảo       | Nữ  |         |
| 202 | 10A09 | Nguyễn Minh Thư        | Nữ  |         |
| 203 | 10A09 | Trần Ngọc Minh Thư     | Nữ  |         |
| 204 | 10A09 | Đỗ Trần Bảo Trân       | Nữ  |         |

| STT | LỚP   | HỌ TÊN HỌC SINH        | GT  | GHI CHÚ |
|-----|-------|------------------------|-----|---------|
| 205 | 10A09 | Trần Thị Kim Yên       | Nữ  |         |
| 206 | 10A09 | Trương Thảo Vi         | Nữ  |         |
| 207 | 10A10 | Đinh Tiến Anh          | Nam |         |
| 208 | 10A10 | Trần Huỳnh Việt Cường  | Nam |         |
| 209 | 10A10 | Phạm Minh Hiếu         | Nam |         |
| 210 | 10A10 | Bùi Đăng Khoa          | Nam |         |
| 211 | 10A10 | Nguyễn Anh Phát        | Nam |         |
| 212 | 10A10 | Lê Đình Minh Toàn      | Nam |         |
| 213 | 10A10 | Lã Thị Phương Anh      | Nữ  |         |
| 214 | 10A10 | Lê Nhật Phương Anh     | Nữ  |         |
| 215 | 10A10 | Thân Ngọc Minh Anh     | Nữ  |         |
| 216 | 10A10 | Đinh Bảo Châu          | Nữ  |         |
| 217 | 10A10 | Đỗ Hà Châu             | Nữ  |         |
| 218 | 10A10 | Lê Ngọc Bảo Châu       | Nữ  |         |
| 219 | 10A10 | Vũ Trần Thái Hà        | Nữ  |         |
| 220 | 10A10 | Lê Gia Hân             | Nữ  |         |
| 221 | 10A10 | Vương Nhã Kỳ           | Nữ  |         |
| 222 | 10A10 | Nguyễn Khánh Linh      | Nữ  |         |
| 223 | 10A10 | Phạm Thị Thùy Linh     | Nữ  |         |
| 224 | 10A10 | Tôn Nữ Khánh Linh      | Nữ  |         |
| 225 | 10A10 | Phạm Thị Thanh Ngân    | Nữ  |         |
| 226 | 10A10 | Tôn Lê Thanh Ngọc      | Nữ  |         |
| 227 | 10A10 | Lê Hoàng Tú Nguyên     | Nữ  |         |
| 228 | 10A10 | Hoàng Uyên Nhi         | Nữ  |         |
| 229 | 10A10 | Nguyễn Xuân Nhi        | Nữ  |         |
| 230 | 10A10 | Mai Ngọc Giao Phúc     | Nữ  |         |
| 231 | 10A10 | Nguyễn Lê Xuân Phương  | Nữ  |         |
| 232 | 10A10 | Cao Kim Sang           | Nữ  |         |
| 233 | 10A10 | Nguyễn Lê Kim Thảo     | Nữ  |         |
| 234 | 10A10 | Lê Hoàng Anh Thư       | Nữ  |         |
| 235 | 10A10 | Nguyễn Tâm Thư         | Nữ  |         |
| 236 | 10A10 | Nguyễn Hồng Thanh Uyên | Nữ  |         |
| 237 | 10CA  | Hoàng Gia Bảo          | Nam |         |
| 238 | 10CA  | Đỗ Minh Thành Danh     | Nam |         |
| 239 | 10CA  | Trần Minh Đức          | Nam |         |
| 240 | 10CA  | Trần Minh Hưng         | Nam |         |
| 241 | 10CA  | Hà Gia Khánh           | Nam |         |
| 242 | 10CA  | Danh Huỳnh Anh Khoa    | Nam |         |
| 243 | 10CA  | Huỳnh Hữu Minh         | Nam |         |
| 244 | 10CA  | Nguyễn Ngọc Quang      | Nam |         |
| 245 | 10CA  | Nguyễn Võ Đông Quân    | Nam |         |
| 246 | 10CA  | Lý Công Minh Triết     | Nam |         |
| 247 | 10CA  | Nguyễn Phan Anh Tuấn   | Nam |         |
| 248 | 10CA  | Phan Thúy Bình         | Nữ  |         |
| 249 | 10CA  | Man Gia Hân            | Nữ  |         |
| 250 | 10CA  | Nguyễn Bảo Hân         | Nữ  |         |
| 251 | 10CA  | Nguyễn Hiếu Lam        | Nữ  |         |
| 252 | 10CA  | Hoàng Trần Khải My     | Nữ  |         |
| 253 | 10CA  | Nguyễn Thu Ngân        | Nữ  |         |
| 254 | 10CA  | Nguyễn Xuân Minh Ngọc  | Nữ  |         |
| 255 | 10CA  | Phan Yến Phương        | Nữ  |         |

| STT | LỚP  | HỌ TÊN HỌC SINH           | GT  | GHI CHÚ |
|-----|------|---------------------------|-----|---------|
| 256 | 10CA | Phạm Ngọc Trúc Quỳnh      | Nữ  |         |
| 257 | 10CA | Phan Thanh Tâm            | Nữ  |         |
| 258 | 10CA | Phạm Nguyễn Xuân Thanh    | Nữ  |         |
| 259 | 10CA | Huỳnh Phạm Bảo Yên        | Nữ  |         |
| 260 | 10CH | Diệp Trịnh Nguyên Bảo     | Nam |         |
| 261 | 10CH | Bùi Sĩ Hiền               | Nam |         |
| 262 | 10CH | Phan Thái Huỳnh           | Nam |         |
| 263 | 10CH | Mai Nguyễn Hoàng Long     | Nam |         |
| 264 | 10CH | Nguyễn Bùi Ngọc Long      | Nam |         |
| 265 | 10CH | Đào Thiện Nhân            | Nam |         |
| 266 | 10CH | Lê Viết Nhân              | Nam |         |
| 267 | 10CH | Nguyễn Thiên Phúc         | Nam |         |
| 268 | 10CH | Tô Đình Duy Tân           | Nam |         |
| 269 | 10CH | Nguyễn Dương Trường Thanh | Nam |         |
| 270 | 10CH | Trần Nguyễn Hoàng Tuấn    | Nam |         |
| 271 | 10CH | Vũ Nguyễn Thái Anh        | Nữ  |         |
| 272 | 10CH | Nguyễn Hoàng Linh Chi     | Nữ  |         |
| 273 | 10CH | Bùi Nguyễn Minh Hạnh      | Nữ  |         |
| 274 | 10CH | Huỳnh Gia Hân             | Nữ  |         |
| 275 | 10CH | Trương Ngọc Khánh Linh    | Nữ  |         |
| 276 | 10CH | Võ Hạnh Nguyên            | Nữ  |         |
| 277 | 10CH | Ngô Yến Phương            | Nữ  |         |
| 278 | 10CH | Nguyễn Thái Minh Tú       | Nữ  |         |
| 279 | 10CH | Lê Phạm Thanh Uyên        | Nữ  |         |
| 280 | 10CH | Nguyễn Thị Anh Vinh       | Nữ  |         |
| 281 | 10CH | Nguyễn Thị Hải Yến        | Nữ  |         |
| 282 | 10CL | Quách Phú An              | Nam |         |
| 283 | 10CL | Nguyễn Đức Anh            | Nam |         |
| 284 | 10CL | Trần Tuấn Kiệt Anh        | Nam |         |
| 285 | 10CL | Phạm Tăng Chí Bảo         | Nam |         |
| 286 | 10CL | Lê Hữu Quốc Dũng          | Nam |         |
| 287 | 10CL | Phạm Huy Dũng             | Nam |         |
| 288 | 10CL | Lý Ngọc Gia Huy           | Nam |         |
| 289 | 10CL | Trần Quang Huy            | Nam |         |
| 290 | 10CL | Lê Quang Long             | Nam |         |
| 291 | 10CL | Phạm Nguyễn Minh Luân     | Nam |         |
| 292 | 10CL | Huỳnh Đức Minh            | Nam |         |
| 293 | 10CL | Phan Lê Nhật Minh         | Nam |         |
| 294 | 10CL | Nguyễn Hoàng Minh Nhật    | Nam |         |
| 295 | 10CL | Nguyễn Trần Quốc Phong    | Nam |         |
| 296 | 10CL | Trần Hoàng Tổ             | Nam |         |
| 297 | 10CL | Dương Minh Trí            | Nam |         |
| 298 | 10CL | Thái Ngọc Anh Vũ          | Nam |         |
| 299 | 10CL | Lâm Hồng Anh              | Nữ  |         |
| 300 | 10CL | Nguyễn Ngọc Trâm Anh      | Nữ  |         |
| 301 | 10CL | Nguyễn Ngọc Quỳnh Nghi    | Nữ  |         |
| 302 | 10CL | Trần Thị Đan Nguyên       | Nữ  |         |
| 303 | 10CL | Đào Nguyễn Anh Phương     | Nữ  |         |
| 304 | 10CL | Phan Hoàng Ái Tâm         | Nữ  |         |
| 305 | 10CL | Phạm Kim Như Ý            | Nữ  |         |
| 306 | 10CT | Nguyễn Đình Hiếu          | Nam |         |

| STT | LỚP   | HỌ TÊN HỌC SINH         | GT  | GHI CHÚ |
|-----|-------|-------------------------|-----|---------|
| 307 | 10CT  | Nguyễn Nhật Hoàng       | Nam |         |
| 308 | 10CT  | Nguyễn Cao Long         | Nam |         |
| 309 | 10CT  | Nguyễn Hoàng Long       | Nam |         |
| 310 | 10CT  | Hồ Nguyễn Trí Minh      | Nam |         |
| 311 | 10CT  | Nguyễn Phương Nam       | Nam |         |
| 312 | 10CT  | Nguyễn Tuấn Nam         | Nam |         |
| 313 | 10CT  | Phạm Hoàng Gia Phát     | Nam |         |
| 314 | 10CT  | Mai Lâm Chấn Phong      | Nam |         |
| 315 | 10CT  | Đào Đức Thành           | Nam |         |
| 316 | 10CT  | Phan Quốc Việt          | Nam |         |
| 317 | 10CT  | Nguyễn Minh Ý           | Nam |         |
| 318 | 10CT  | Phạm Thanh Hằng         | Nữ  |         |
| 319 | 10CT  | Phan Anh Thư            | Nữ  |         |
| 320 | 10CT  | Lê Ngọc Bảo Thy         | Nữ  |         |
| 321 | 10CT  | Nguyễn Ngọc Uyên Trang  | Nữ  |         |
| 322 | 10CT  | Phạm Minh Phương Uyên   | Nữ  |         |
| 323 | 10CV  | Thái Thành Đạt          | Nam |         |
| 324 | 10CV  | Vũ Đình Huy             | Nam |         |
| 325 | 10CV  | Bùi Phước Sang          | Nam |         |
| 326 | 10CV  | Lê Quỳnh Anh            | Nữ  |         |
| 327 | 10CV  | Nguyễn Vân Anh          | Nữ  |         |
| 328 | 10CV  | Phan Vĩnh Ngọc Anh      | Nữ  |         |
| 329 | 10CV  | Lê Hoàng Minh Châu      | Nữ  |         |
| 330 | 10CV  | Nguyễn Thu Giang        | Nữ  |         |
| 331 | 10CV  | Trần Lê Khánh Hà        | Nữ  |         |
| 332 | 10CV  | Nguyễn Thị Kim Hồng     | Nữ  |         |
| 333 | 10CV  | Võ Thanh Hương          | Nữ  |         |
| 334 | 10CV  | Đinh Thụy Mai Khanh     | Nữ  |         |
| 335 | 10CV  | Nguyễn Nguyệt Minh Khuê | Nữ  |         |
| 336 | 10CV  | Hà Bảo Linh             | Nữ  |         |
| 337 | 10CV  | Hoàng Hà Gia Linh       | Nữ  |         |
| 338 | 10CV  | Nguyễn Hoàng Linh       | Nữ  |         |
| 339 | 10CV  | Nguyễn Khánh Linh       | Nữ  |         |
| 340 | 10CV  | Lê Phạm Hiền Mai        | Nữ  |         |
| 341 | 10CV  | Trần Ngọc Thanh Ngân    | Nữ  |         |
| 342 | 10CV  | Dương Bảo Nghi          | Nữ  |         |
| 343 | 10CV  | Trần Hồ Thanh Ngọc      | Nữ  |         |
| 344 | 10CV  | Nguyễn Ngọc Song Oanh   | Nữ  |         |
| 345 | 10CV  | Nguyễn Lê Phương Thảo   | Nữ  |         |
| 346 | 10CV  | Trần Ngọc Thủy Tiên     | Nữ  |         |
| 347 | 10CV  | Huỳnh Nguyễn Cát Tường  | Nữ  |         |
| 348 | 10CV  | Phan Hiền Thảo Vy       | Nữ  |         |
| 349 | 10CV  | Vương Yến Vy            | Nữ  |         |
| 350 | 10CV  | Trương Thanh Xuân       | Nữ  |         |
| 351 | 10TH1 | Nguyễn Phan Thành Công  | Nam |         |
| 352 | 10TH1 | Phan Minh Đức           | Nam |         |
| 353 | 10TH1 | Huỳnh Trung Hiếu        | Nam |         |
| 354 | 10TH1 | Lê Long Hoàng           | Nam |         |
| 355 | 10TH1 | Nguyễn Đức Huy          | Nam |         |
| 356 | 10TH1 | Nguyễn Vĩnh Nhật Huy    | Nam |         |
| 357 | 10TH1 | Nguyễn Phúc Khánh       | Nam |         |

| STT | LỚP   | HỌ TÊN HỌC SINH          | GT  | GHI CHÚ |
|-----|-------|--------------------------|-----|---------|
| 358 | 10TH1 | Huỳnh Việt Anh Khoa      | Nam |         |
| 359 | 10TH1 | Huang Quán Minh          | Nam |         |
| 360 | 10TH1 | Phạm Quang Minh          | Nam |         |
| 361 | 10TH1 | Trần Dương Minh          | Nam |         |
| 362 | 10TH1 | Nguyễn Minh Nhật         | Nam |         |
| 363 | 10TH1 | Nguyễn Công Phát         | Nam |         |
| 364 | 10TH1 | Trịnh Quang              | Nam |         |
| 365 | 10TH1 | Võ Nhất Thiên            | Nam |         |
| 366 | 10TH1 | Trương Gia Thiện         | Nam |         |
| 367 | 10TH1 | Lê Sinh Thịnh            | Nam |         |
| 368 | 10TH1 | Nguyễn Đức Tín           | Nam |         |
| 369 | 10TH1 | Phạm Vũ Minh Triết       | Nam |         |
| 370 | 10TH1 | Nguyễn Ngọc Tuấn         | Nam |         |
| 371 | 10TH1 | Trương Thụy Hồng Anh     | Nữ  |         |
| 372 | 10TH1 | Trần Thục Linh Chi       | Nữ  |         |
| 373 | 10TH1 | Đàm Minh Hằng            | Nữ  |         |
| 374 | 10TH1 | Nguyễn Trần Phi Mẫn      | Nữ  |         |
| 375 | 10TH1 | Nguyễn Song Ngọc         | Nữ  |         |
| 376 | 10TH1 | Trần Lan Phương          | Nữ  |         |
| 377 | 10TH1 | Nguyễn Hoàng Thiên Thanh | Nữ  |         |
| 378 | 10TH2 | Phan Đoàn Trung Kiên     | Nam |         |
| 379 | 10TH2 | Vũ Hoàng Luân            | Nam |         |
| 380 | 10TH2 | Trần Nguyễn Đức Minh     | Nam |         |
| 381 | 10TH2 | Nguyễn Minh Nguyên       | Nam |         |
| 382 | 10TH2 | Phan Nguyễn Phương Anh   | Nữ  |         |
| 383 | 10TH2 | Phan Thị Hải Anh         | Nữ  |         |
| 384 | 10TH2 | Nguyễn Gia Hân           | Nữ  |         |
| 385 | 10TH2 | Phạm Gia Hân             | Nữ  |         |
| 386 | 10TH2 | Bùi Hà Linh              | Nữ  |         |
| 387 | 10TH2 | Trần Phạm Xuân Nghi      | Nữ  |         |
| 388 | 10TH2 | Nguyễn Minh Ngọc         | Nữ  |         |
| 389 | 10TH2 | Nguyễn Quỳnh Nhi         | Nữ  |         |
| 390 | 10TH2 | Vũ Lê Lam Nhi            | Nữ  |         |
| 391 | 10TH2 | Ngô Bảo Phương           | Nữ  |         |
| 392 | 10TH2 | Ngô Phương Quỳnh         | Nữ  |         |
| 393 | 10TH2 | Nguyễn Nam Sơn           | Nữ  |         |
| 394 | 10TH2 | Trần Uyên Thanh          | Nữ  |         |
| 395 | 10TH2 | Nguyễn Ngọc Bảo Trâm     | Nữ  |         |
| 396 | 10TH2 | Nguyễn Hồng Bảo Trân     | Nữ  |         |
| 397 | 10TH3 | Nguyễn Hoàng Bách        | Nam |         |
| 398 | 10TH3 | Phạm Hữu Hào             | Nam |         |
| 399 | 10TH3 | Trần Minh Khôi           | Nam |         |
| 400 | 10TH3 | Phạm Quang Minh          | Nam |         |
| 401 | 10TH3 | Nguyễn Cao Sơn           | Nam |         |
| 402 | 10TH3 | Bồ Nguyễn Phúc Tiến      | Nam |         |
| 403 | 10TH3 | Phạm Ngọc Tín            | Nam |         |
| 404 | 10TH3 | Huỳnh Nam Trà            | Nam |         |
| 405 | 10TH3 | Lâm Bảo Anh              | Nữ  |         |
| 406 | 10TH3 | Đào Nguyễn Minh Anh      | Nữ  |         |
| 407 | 10TH3 | Lê Huyền Anh             | Nữ  |         |
| 408 | 10TH3 | Đặng Gia Hân             | Nữ  |         |

| STT | LỚP   | HỌ TÊN HỌC SINH     | GT | GHI CHÚ |
|-----|-------|---------------------|----|---------|
| 409 | 10TH3 | Nguyễn Bảo Hân      | Nữ |         |
| 410 | 10TH3 | Phan Trần Thảo Nghi | Nữ |         |
| 411 | 10TH3 | Trần Đoàn Thanh Thư | Nữ |         |
| 412 | 10TH3 | Phạm Ngọc Bảo Trân  | Nữ |         |
| 413 | 10TH3 | Đỗ Thanh Trúc       | Nữ |         |
| 414 | 10TH3 | Phan Nhã Trúc       | Nữ |         |
| 415 | 10TH3 | Nguyễn Phương Vy    | Nữ |         |